TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2022
V/v: ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bàng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Văn Khánh**

Ông **Trần Đức Hiếu**

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Văn Thoảng - Thư ký, Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa:** Bà Trần Lê Phượng – kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 78/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2022/QĐHPT-HNGĐ ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Mỹ D, sinh năm 1991; Đường T, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Công L, sinh năm 1985; Đường T, phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2022, bản tự khai đề ngày 11/3/2022 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn là bà Võ Thị Mỹ D trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Mỹ D và ông Nguyễn Công L xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân do quan điểm sống khác nhau, Ông L không quan tâm, chăm sóc gia đình, thường chỉ biết chơi chim cảnh, không đưa tiền cho vợ lo sinh hoạt cho gia đình. Vợ chồng phần ai nấy sống. Mặc dù Bà D đã nhiều lần góp ý, khuyên nhủ chồng cùng chung tay xây dựng cuộc sống gia đình nhưng Ông L vẫn chứng nào tật nấy, không cải sửa, không có tiếng nói chung làm cho mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được. Nay Bà D xác định

không còn tình cảm với Ông L, quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn được nên Bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Công L.

- Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, Bà D và Ông L có với nhau 01 con chung là: Nguyễn Huyền T, sinh ngày 08/8/2014. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, Bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu Ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn Nguyễn Công L:*** mặc dù đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng Ông L đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến Tòa án để làm việc, vắng mặt không có lý do và không văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ D.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Mỹ D đối với ông Nguyễn Công L.

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con tên Nguyễn Huyền T, sinh ngày 08/8/2014 cho Bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Mỹ D, buộc Ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Mỹ D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Về án phí: Bà Võ Thị Mỹ D phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định, ông Nguyễn Công L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ D khởi kiện bị đơn là ông Nguyễn Công L để yêu cầu ly hôn và nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú trên địa bàn quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình xác định

quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C theo quy định.

[1.2] Bị đơn Ông Nguyễn Công L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Công L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Mỹ D và ông Nguyễn Công L xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng vào ngày 11/11/2013 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vả nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn theo Bà D xác định do quan điểm sống của hai vợ chồng không hòa hợp, Ông L không quan tâm chăm sóc vợ con, chỉ thường xuyên chơi chim cảnh, bỏ bê con cái, không cùng Bà D chăm lo sinh hoạt chung của gia đình nên phần ai nấy sống. Mặc dù Bà D đã nhiều lần cố gắng để vợ chồng hàn gắn, cùng nhau chăm lo cuộc sống, nuôi dạy con cái nhưng Ông L không thay đổi, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng không giải quyết được. Nay Bà D xác định không còn tình cảm với Ông L nữa, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để cho Nguyễn Công L có ý kiến trình bày nhưng Ông L đều vắng mặt, không tham gia tất cả các phiên hòa giải. Tại phiên tòa ngày 13/6/2022 cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Công L vẫn không có mặt và không có văn bản phản hồi ý kiến. Điều đó thể hiện Ông L không có thiện chí hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình.

Qua xác minh tại tổ dân phố nơi ông Nguyễn Công L đang sinh sống, thuộc phường T, quận C xác định được ông Nguyễn Công L và bà Võ Thị Mỹ D hiện nay vẫn còn sống chung với nhau, nhưng cuộc sống phần ai nấy lo không quan tâm chăm sóc nhau.

Với những tình tiết và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy giữa Bà D và Ông L đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà D đối với ông Nguyễn Công L là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà D và Ông L có với nhau 01 con chung là Nguyễn Huyền T, sinh ngày 08/8/2014. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu Ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà D và Ông L có 01 con chung là con gái, từ nhỏ sống chung cùng với Bà D, hiện nay đã 8 tuổi, có nguyện vọng được ở với mẹ. Bà D có công việc làm ổn định, có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con. Đồng thời cũng nhằm thực hiện quyền nuôi con, chăm sóc cho con gái trong thời kỳ phát triển

tâm sinh lý ở tuổi dậy thì, cũng như không làm xáo trộn tâm lý và ảnh hưởng đến việc chăm sóc, học hành của cháu T. Việc cháu T ở với mẹ là phù hợp với thực tiễn cuộc sống cũng như quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Nguyễn Huyền T cho Bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về yêu cầu cấp dưỡng: Với thực tế hoàn cảnh gia đình của Bà D và Ông L thấy rằng: Ông L có công việc làm ổn định, có thu nhập nên việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng của Bà D so với nhu cầu sinh hoạt tối thiểu hiện nay để đảm bảo điều kiện cho cháu T ăn học là có cơ sở chấp nhận. Do đó, chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của Bà D, buộc Ông L phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà Võ Thị Mỹ D và ông Nguyễn Công L đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Mỹ D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập.

[3] Án phí Hôn nhân gia đình: 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Võ Thị Mỹ D phải chịu theo quy định của pháp luật. nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001782 ngày 23/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Bà Võ Thị Mỹ D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* ông Nguyễn Công L phải chịu theo quy định.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ D đối với ông Nguyễn Công L về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Võ Thị Mỹ D được ly hôn ông Nguyễn Công L. (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 91, đăng ký ngày 11/11/2013 tại UBND phường T, quận C, thành phố Đà Nẵng).

2. Về con chung: Giao con tên Nguyễn Huyền T, sinh ngày 08/8/2014 cho bà Võ Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Công L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu vào ngày 15 hàng tháng, kể từ tháng 7 năm 2022.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền

ngăn cản. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu khoản lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Mỹ D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Võ Thị Mỹ D phải chịu theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001782 ngày 23/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Bà Võ Thị Mỹ D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* ông Nguyễn Công L phải chịu.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 28/6/2022.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường T, quận Cẩm Lệ (Số ĐKKH: 91, ngày 11/11/2013);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bàng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**